TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2019.
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông: La Văn Việt.

2. Ông: Nguyễn Chí Lin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 25/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2019 về việc "*Ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hoàng Gia B, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Chị T có mặt, anh B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/12/2018 và những lời tiếp theo Chị Nguyễn Thị Minh T, trình bày:

Chị và Anh Nguyễn Hoàng Gia B chung sống với nhau vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn cùng năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Chị T cho rằng thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến

năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên chị và anh B đã ly thân từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh B.

Về con chung, tài sản và nợ chung: Chị T khai không có.

Đối với Anh Nguyễn Hoàng Gia B, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B vắng mặt, không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của Chị T.

Tại phiên tòa, Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung ý kiến gì thêm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng,*

Chị Nguyễn Thị Minh T xin ly hôn với Anh Nguyễn Hoàng Gia B. Theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Anh Nguyễn Hoàng Gia B vắng mặt mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng với quy định tại các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung,*

[2.1] *Quan hệ hôn nhân*:

Chị Nguyễn Thị Minh T và Anh Nguyễn Hoàng Gia B chung sống với nhau vào năm 2015 và có đăng ký kến hôn là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với Điều 09 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trước tòa, Chị T cương quyết xin ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Đối với Anh Nguyễn Hoàng Gia B, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B vẫn vắng mặt, không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Chị T. Tại phiên tòa, anh B vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ cả hai bên cũng không có thiện chí để hàn gắn, đoàn tụ.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa Chị T và anh B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Chị T xin ly hôn là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung, tài sản và nợ chung*: Chị T khai không có.

Anh Nguyễn Hoàng Gia B vắng mặt, không có ý kiến phản hồi về việc quá trình sống chung giữa anh và Chị T có tài sản chung hoặc có nợ ai hay không nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp anh B có phát sinh tranh chấp về tài sản trong thời kỳ hôn nhân thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu có căn cứ.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 146, 222, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

***Tuyên xử*:**

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với Anh Nguyễn Hoàng Gia B

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003961 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

3. Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Anh Nguyễn Hoàng Gia B vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại UBND địa phương nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đức Hòa H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức